

## VÀI Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ THỂ LOẠI TỤC NGŨ

Nguyễn Việt Hương<sup>(\*)</sup>

Vấn đề thể loại văn học nói chung đã được bàn đến nhiều. Từ thời cổ HyLa, đã hình thành cách phân loại cổ điển, thể hiện rõ qua cuốn *Nghệ thuật thi ca* (hay còn được dịch là *Thi pháp –Poetika*) của Arixtôt và tiếp tục được phát triển qua các công trình nghiên cứu của các học giả và các nhà văn Đức như Soleghen, Seling, Sile, Gôt và đặc biệt là Hêghen. Trong cách phân loại này, văn học được chia thành ba loại : **Tự sự**, **Trữ tình** và **Kịch**. Khung phân loại trên, về đại thể được áp dụng vào văn học viết ở Việt Nam. Về mặt thuật ngữ, trong lý luận và phê bình văn học ở Việt Nam lâu nay còn gọi ba loại trên là *ba phương thức phản ánh* của văn học, hay *ba kiểu văn học*. Mỗi loại, mỗi phương thức nói trên có các thể loại văn học cụ thể.

Văn học dân gian cũng tuân theo nguyên tắc trong sáng tác văn học nói chung. Tuy vậy, vẫn có những điểm khác biệt cần lưu ý về phương pháp sáng tác, phương diện phản ánh hiện thực, về thi pháp v.v... Các thể loại văn học viết, tuy thay đổi qua các thời kỳ lịch sử nhưng tương đối ổn định hơn. Trong văn học dân gian, dựa trên phương thức sáng tác và lưu truyền, chức năng và đặc trưng thi pháp, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nguyên tắc xác lập cơ cấu thể loại văn học dân gian: Thể loại văn học dân gian là nhóm các tác phẩm văn học dân gian được hình thành một cách lịch sử, có chung những đặc điểm về phương thức sáng tác và lưu truyền, về chức năng và thi pháp. Theo tiêu chí phân loại trên, văn học dân gian được chia thành ba loại hình lớn: loại hình tự sự dân gian, loại hình trữ tình dân gian và loại hình sân khấu dân gian.

Loại hình tự sự là loại hình văn học thường có sự việc và cốt truyện được diễn tả bằng cách dùng lời kể hay lời vấn, hoặc phù hợp cả hai cách. Trong loại hình tự sự văn học dân gian Việt Nam luôn có hai dòng chảy xuyên suốt quá trình phát triển của văn học dân gian, phản ánh cuộc đấu tranh của dân tộc trên hai bình diện chống ngoại xâm và đấu tranh xã hội. Đó là dòng tự sự lịch sử, quan tâm đến vận mệnh dân tộc, đến quá trình đấu tranh dựng nước của cả dân tộc và dòng tự sự lịch sử xã hội, quan tâm đến những mâu thuẫn trong xã hội, phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội.

Loại hình trữ tình dân gian phản ánh sinh hoạt của con người trên ba môi trường sống tự nhiên : lao động, sinh hoạt hàng ngày và nghi lễ.

<sup>(\*)</sup> TS, Khoa Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQGHN.

Loại hình sân khấu dân gian là một loại hình đặc biệt bắt nguồn từ lối trình diễn văn hoá nghệ thuật cổ như lối múa, hát, kể chuyện có điệu bộ, các trò vui, các nghi lễ... qua trình diễn nghệ thuật và tiến đến những hình thức sân khấu dân gian như múa rối, chèo sân đình, tuồng đồ, v.v.

Mỗi loại hình văn học dân gian lại gồm nhiều thể loại khác nhau. Loại hình tự sự dân gian bao gồm truyện thần thoại, truyện cổ tích, truyện cười, vè, truyền thuyết, truyện thơ và sử thi. Loại hình trữ tình dân gian bao gồm ca dao, dân ca. Loại hình sân khấu dân gian bao gồm chèo, tuồng, múa rối... Các thể loại trong mỗi loại hình dân gian đều có những đặc điểm chung về phương pháp sáng tác, về chức năng và thi pháp, đồng thời lại mang những đặc trưng riêng thể hiện bản chất của mỗi thể loại. Trong mỗi thể loại lại có những tiểu loại khác nhau.

So với văn học viết, bảng phân loại văn học dân gian khó rành mạch hơn bởi bản thân mỗi thể loại đều có tính phức tạp tự nhiên của nó. Và ngay giữa các thể loại đôi khi cũng có sự chuyển hoá, thâm nhập lẫn nhau.

Khi xác lập cơ cấu thể loại văn học dân gian, nhiều thể loại nằm trong khung phân loại cổ điển, nhưng có thể loại, như tục ngữ chẳng hạn, cho đến nay vẫn còn vấn đề đang được bàn cãi. Nhà nghiên cứu văn học dân gian Đinh Gia Khánh và Cù Xuân Diên cho tục ngữ là “lời ăn tiếng nói của nhân dân”. Bùi Văn Nguyên coi tục ngữ là “phương pháp suy luận của nhân dân”. Hoàng Tiến Tựu xếp tục ngữ vào thể “suy luận dân gian”. Cao Huy Đình gọi tục ngữ là “văn học có tính chất đúc kết kinh nghiệm thực tiễn”. Đỗ Bình Trị lại đề nghị xếp tục ngữ vào các thể loại ngoài sự phân loại, tức là tục ngữ ở vị trí độc lập, không lệ thuộc vào một trong ba loại hình sáng tác văn học cổ điển.

Vậy thì tục ngữ thuộc thể loại nào của văn học dân gian? Có thể xếp tục ngữ vào chỗ nào trong khung phân loại chung? Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi xin trở lại xem xét khái niệm **Tự sự** và khái niệm **Trữ tình** trong loại hình văn học nói chung.

Về thuật ngữ, theo các nhà Hán học, **tự** là kể chuyện, **sự** là sự kiện, sự việc. **Tự sự** là hình thức kể chuyện trong văn học. Trong các ngôn ngữ Âu châu, **Tự sự** được dịch từ chữ **Epika**. **Epika** là từ Hylạp, vốn xuất phát từ chữ **Epikos** (nghĩa là tường thuật lại hành động) và từ chữ **Epos** (nghĩa là lời kể, trường ca, sử thi). Nếu so sánh với các loại văn học khác như **Kịch** và **Trữ tình** thì những *tiêu chí khu biệt của Tự sự* là

1) Về nguyên tắc cấu trúc tác phẩm tự sự là *tính hành động*. Tác phẩm có nội dung hành động giống như Kịch, tức là phải kể lại một biến cố nào đó. Tính chất này nguyên tắc này không có trong các tác phẩm trữ tình.

2) Về phương diện ngôn ngữ, ngôn ngữ tự sự cũng giống như trữ tình đều mang tính độc thoại, tức là phát ngôn của một chủ thể duy nhất là tác giả. Ngôn ngữ của các nhân vật (trong truyện ngắn, tiểu thuyết v.v...) chỉ là sự triển khai của ngôn ngữ người kể chuyện. Trong Kịch là ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật.

3) Về ngữ pháp, ngữ pháp tự sự nằm ở ngôi thứ ba thì quá khứ. Trong tác phẩm trữ tình và kịch, tác giả đều sử dụng ngôi thứ nhất ở thì hiện tại.

Như vậy, phương tiện chủ yếu để tác giả kiến tạo một tác phẩm tự sự là cốt truyện và người kể chuyện. Người kể chuyện ở đây có chức năng môi giới giữa sự kiện được kể và người nghe chuyện (độc giả)

Trong các ngôn ngữ châu Âu, Trữ tình là **Lyrika**, vốn xuất phát từ chữ **Lyre**, là tên một loại đàn cổ của người Hylạp. **Lyrika** trong tiếng Hylạp có nghĩa là lời thơ đọc rong tiếng nhạc đệm của đàn lia. Theo thần thoại Hylạp, cây đàn lia là bảo vật của thần Apôlông, vị thần mặt trời, đồng thời phụ trách thi ca nghệ thuật và khoa học.

**Trữ tình**, hiểu theo nghĩa Hán-Việt là bày tỏ, bộc lộ tình cảm. Các nhà nghiên cứu văn học ở châu Âu xem trữ tình như một thể loại văn học phi hành động, tức là không có tình tiết, cốt truyện. Hêghen quan niệm : Quan trọng nhất trong tự sự là sự kiện, trong thơ trữ tình là tâm trạng của chủ thể, trong kịch là hành động.

Tình cảm con người vốn vô cùng phong phú và đa dạng, nhiều sắc thái, cường độ khác nhau nên nhiều nhà nghiên cứu đã chia trữ tình ra thành nhiều kiểu trữ tình khác nhau như Trữ tình luyến ái (xuất hiện trong thơ tình, viết về tình yêu lứa đôi); Trữ tình tôn giáo (tức tình cảm tôn giáo trong các bản thánh ca, trong các bài ca nghi lễ, trong thơ đề mộ chí v.v...); Trữ tình ái quốc, trữ tình công dân (trong các bài thơ, trường ca viết về chiến tranh giữ nước và về những sự kiện lớn trong đời sống dân tộc, quốc gia)

Từ cuối thế kỷ XIX, khái niệm trữ tình được mở rộng, không chỉ giới hạn trong phạm vi những cảm xúc phi lý tính. Người ta đề xuất một số kiểu trữ tình hiện đại khác, trong đó yếu tố lý trí đóng vai trò tương đối quan trọng như trữ tình suy tưởng (*reflective lyricism*), trữ tình trầm tư (*meditative lyricism*), trữ tình khái quát (*appellative lyricism*), trữ tình giáo huấn (*didactic lyricism*). Trong cuốn từ điển **Thuật ngữ nghiên cứu văn học** do giáo sư Timophiev và Turaiev chủ biên, in năm 1974, các nhà nghiên cứu Nga còn đưa ra và khẳng định các khái niệm trữ tình khác nữa, như trữ tình chính trị, trữ tình triết học...

Các phạm trù tự sự, trữ tình và kịch đều là những phạm trù lý luận văn học mà Việt Nam tiếp thu từ lý luận và kinh nghiệm nghệ thuật châu Âu. Về mặt thuật ngữ, trong ba thuật ngữ trên thì thuật ngữ trữ tình là thuật ngữ còn nhiều điểm rất đáng băn khoăn. **Lyrika** tức là **Trữ tình**, đối với nhiều dân tộc châu Âu còn có giá trị gợi ý cho người ta nhớ tới thuộc tính âm nhạc của văn học trữ tình, do được cấu tạo từ tên một cây đàn thần thoại (đàn Lia). Như vậy, ở nước ta, thuật ngữ **Trữ tình** bị tước mất nội dung nhạc tính của **Lyrika**. Hơn nữa, khái niệm **Trữ tình** ở Việt Nam thường bị thu hẹp trong phạm vi trữ tình trực tiếp của chủ thể, tức là một kiểu biểu thị thứ cảm xúc phi lý tính. Vì vậy, sự phân chia thể loại nói chung chỉ là những khái quát lý thuyết có giá trị tương đối vì có nhiều điểm bất cập với thực tiễn sáng tác, cả trong văn học viết lẫn trong văn học truyền miệng.

Trở lại vấn đề của tục ngữ, tục ngữ dân gian có từ rất lâu, được sáng tạo trước hết nhằm đáp ứng nhu cầu tổng kết và phổ biến kinh nghiệm đời sống, kinh nghiệm lịch sử xã hội của cộng đồng. Tục ngữ được lưu hành chủ yếu qua con đường truyền khẩu. Về sau nó mới được ghi chép lại bằng các văn bản.

Tục ngữ có cấu trúc tương đối ổn định. Mỗi câu thường thể hiện một hay nhiều phán đoán và thường được dùng trong lời nói hàng ngày. Nội dung tục ngữ là những kinh nghiệm về đời sống, về lịch sử và xã hội của nhân dân. Nội dung ấy được phản ánh qua sự nhận thức của nhân dân trên cơ sở tư duy hình tượng, tư duy nghệ thuật. Có thể coi mỗi câu tục ngữ như một tác phẩm có nội dung hoàn chỉnh và được thể hiện bằng một ngôn ngữ nghệ thuật riêng, cô đọng, hàm súc, ngắn gọn. Vì là sáng tác của nhân dân và được lưu hành chủ yếu qua con đường truyền miệng nên tính nguyên hợp được thể hiện trong tục ngữ khá rõ nét. Với những đặc trưng trên, tục ngữ đương nhiên là một thể loại của văn học dân gian.

Quan niệm của Đỗ Bình Trị coi tục ngữ như một thể loại tự sự gần với quan niệm của V.E.Guxép trong cuốn *Mỹ học Folklore*. Xét về hình thức, quan điểm này có phần có lý bởi tục ngữ “có đặc tính cơ bản của sử thi vì chúng là những lời nói tự sự giản đơn nhất, điển hình hoá những hiện tượng của thực tế khách quan hoặc khái quát hoá kinh nghiệm sinh hoạt xã hội, lịch sử khách quan của quần chúng. Tuy nhiên, nếu đi sâu phân tích kỹ, sẽ thấy có một số vấn đề như sau :

Xét trên tiêu chí của loại hình tự sự như vừa nói trên thì :

*Thứ nhất*, **Tự sự** là hình thức kể chuyện. Tác phẩm tự sự phải có diễn biến cốt truyện, phải có sự kiện diễn ra trong một không gian, thời gian nào đó. Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian đặc biệt: ngắn gọn, cô đọng, hàm súc. Nếu gọi là một tác

phẩm thì tác phẩm đó ngắn ngủi tới mức vừa mở đầu đã kết thúc, không đủ khả năng bộc lộ những thuộc tính thể loại truyền thống như ta quen chờ đợi. Tục ngữ hoàn toàn không có nội dung cốt truyện, không có các lớp lang sự kiện, tình tiết, ngay cả khi các sự việc, hiện tượng ở đó được miêu tả trong sự vận động, ví dụ như câu *Cốc mò cò xơi; Éch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung; Quan thấy tiền như kiến thấy mỡ* v.v... Trong tục ngữ hoàn toàn không thấy dấu vết của “người kể chuyện”.

*Thứ hai*, Tục ngữ chứa đựng các yếu tố trữ tình sau :

Giọng điệu của tục ngữ là giọng điệu mang tính chủ thể khá rõ. Đó là giọng điệu khuyen răn, nhắn nhủ, mách bảo. Có thể cảm nhận được trong thế giới tục ngữ hình ảnh của một người thông thái đang phán truyền các chân lý. Tuy đó là trí tuệ tập thể, kinh nghiệm dân gian song chúng thường được diễn đạt dưới hình thức ngôn ngữ nô nã, đôi khi tự tin tới mức chủ quan: *Nhất có râu, nhì bầu bụng; Xấu mặt hơn béo bụng...* mà như nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định, sự hiện diện của chủ thể phát ngôn ở ngôi thứ nhất, thì hiện tại là dấu hiệu đặc trưng của trữ tình.

Tục ngữ thiên về lý trí, song không phải toàn bộ tục ngữ đều mang tính khái quát trí tuệ lạnh lẽo. Có rất nhiều câu bộc lộ tình cảm, tồn tại như những phán đoán mang tính đánh giá và biểu hiện thái độ:

Lên án, đả kích: - *Quan thấy tiền như kiến thấy mỡ*  
 - *Hòn đất mà biết nói năng*  
*Thì thầy địa lý hàm răng chẳng còn.*

Yêu thương, hờn dỗi :

*Mẹ nuôi con bằng trời bằng bể*  
*Con nuôi mẹ con kẻ tháng ngày.*

Biểu thị quyết tâm: *Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh v.v...*

Trong vấn đề này, ý kiến sau đây của Hêghen gợi mở cho ta nhiều suy nghĩ: “Tính chất chung của thơ trữ tình dân gian gần tính chất chung của sử thi ở chỗ nhà thơ với tính cách là một chủ thể không bộc lộ cá tính của mình mà tan biến vào trong sáng tạo của mình...Tình cảm ẩn nấp kín đáo, không muốn cũng không thể bộc lộ hoàn toàn [8, tr.682]. Theo chúng tôi, tục ngữ tuy không phải là thơ trữ tình dân gian nhưng vẫn là thể loại chứa đựng chất trữ tình trong thế tiềm năng, nghĩa là biểu hiện rất kín đáo, do bị dồn nén trong một cấu trúc ngôn ngữ quá chặt chẽ, quá trọng tính hiệu quả thông tin. Tiềm năng trữ tình này thường được giải phóng, được hiện thực hoá trong sự vận dụng tục ngữ vào những hoàn cảnh và văn cảnh cụ thể.

Chúng tôi khẳng định tính trữ tình của tục ngữ còn xuất phát từ một quan niệm cởi mở hơn về tính trữ tình của văn học. Như trên chúng tôi đã trình bày, bên cạnh hình thái trữ tình trực tiếp (biểu thị cảm xúc trực tiếp của chủ thể) còn có trữ tình suy tưởng, trữ tình khái quát, trữ tình triết học. Những hình thái trữ tình này rất phù hợp với những khái quát, triết lý trong tục ngữ.

Ngoài ra, tính trữ tình của tục ngữ còn thể hiện ở nhạc tính của chúng. Cấu trúc của câu tục ngữ là cấu trúc có vần, có nhịp. Mà nhạc tính chính là một đặc trưng và cũng là phương tiện biểu hiện của thơ trữ tình. Trong kho tàng tục ngữ, chúng ta còn gặp phải hàng loạt những câu “lưỡng tính”, nửa như tục ngữ, nửa như ca dao. Trong những câu đó, ngôn ngữ của chúng thực sự là ngôn ngữ của thơ trữ tình. Tất nhiên những câu kiểu đó hoàn toàn quay lưng lại với tự sự.

Mặt khác, tự sự, trữ tình và kịch chỉ là ba loại văn học cơ bản, chủ yếu. Bên cạnh chúng còn có thể tồn tại những thể loại “không cơ bản”, “không chủ yếu” khác nữa. C. Arixtốt lẫn Hêghen (trong cuốn **Thi pháp** và trong cuốn **Mỹ học**) chưa khi nào phân chia và khẳng định rằng thế giới văn học chỉ có ba khu vực, ba loại nói trên. Arixtốt chỉ bàn tới thi pháp của sử thi, thơ trữ tình và kịch như là ba thứ nghệ thuật ngôn từ phổ cập và nhiều thành tựu tính tới thời ông sống. Hêghen trong các bài giảng về mỹ học của mình cũng thừa nhận điều đó và tiếp tục bàn thêm về ba loại nghệ thuật ngôn từ này. Vậy thì có nên xếp tục ngữ vào một trong ba loại văn học nói trên hay không? Cần phải có một sự cân nhắc kỹ lưỡng và hợp lý. Chúng tôi cho rằng việc xếp tục ngữ và trong khung thể loại tự sự là một việc khiên cưỡng. “Môi trường sinh thái tự nhiên” của tục ngữ phải là thể loại trữ tình.

Phải chăng là có thể đặt tục ngữ bên cạnh khung thể loại nêu trên như là một thể loại thứ  $n+1$  nào đó. Và phải chăng là những quy luật thể loại của văn học viết không phải khi nào cũng thích ứng với văn học dân gian.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân, *Từ điển văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
2. Cao Huy Đình, *Tìm hiểu tiến trình Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, 1974.
3. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, *Văn học dân gian* (2 tập), NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1972-1973.
4. Lê Chí Quế, Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ, *Văn học dân gian Việt Nam*, Hà Nội, 1990.

Hoàng Tiến Tựu, *Văn học dân gian Việt Nam*, (tập 2), NXB Giáo dục, Hà Nội, 1990.

Đỗ Bình Trị, *Những đặc điểm thi pháp của các thể loại Văn học dân gian*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

Gu xép V.E., *Mỹ học Folklore*, Hoàng Ngọc Hiến dịch, NXB Đà Nẵng, 1999.

Hêghen, *Mỹ học*, tập 2, NXB Văn học, Hà Nội, 1999.

Redigoval Stepan Vlasin, *Slovník Literatures teorie, Zvettovou Literaturu*, CSAV.8.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XVIII, N<sub>0</sub>4, 2002

## SOME OPINIONS ABOUT THE PROBLEM OF PROVERB GENRE

**Dr. Nguyen Viet Huong**

*Department of Vietnamese Language and Culture for Foreigners  
College of Social Sciences & Humanities - VNU*

In this paper, the author has mentioned on the problem of literature genre in general and folk literature in particular. Basing on classifying frame of literature, the author has analysed features and characteristics of some conceptions on lyric and narrative of literature, at the same time, the author also analysed the characteristics of proverbs to define the genre of proverb-a special genre in the folk literature.

In the author's opinion, proverb has more lyric characteristics. This is a new idea that is different from some ideas of pre-folk literature researchers.